



Số: 0832.1- K8/232 /KT2-K8

Ngày: 22/7/2024

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC PHƯỚC DÂN**
 2. Ký hiệu mẫu: **M7**
 3. Số lượng mẫu: **01**
 4. Tình trạng mẫu: **Mẫu khoảng 2,5 lít, chứa trong can nhựa 2 lít, 01 chai thủy tinh 0,5 lít**
 5. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
 6. Địa chỉ: **Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam**
 7. Ngày lấy mẫu: **13/7/2024**
 8. Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: **09h05'-09h15' tại các điểm đầu ra của hệ thống cấp nước thuộc Nhà máy nước Phước Dân**
 9. Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 13/7/2024 đến ngày: 19/7/2024**
 10. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
1	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 3
2	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
3	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
4	Clo dư tự do(**) mg/L	KT2.HD.CH-353 (K2.HD.91-SOP/MT)	0,63	0,2 + 1,0
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2017	0,23	≤ 2
6	Màu sắc mgPt/L	TCVN 6185:2015	< 2	≤ 15
7	Mùi, vị ^(NA)	KT2.QT.CH-362	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH (ở 25°C)	TCVN 6492:2011	6,9	6,0 + 8,5

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011.
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại vòi bể chứa đầu nguồn ở Nhà máy nước Phước Dân (Điểm đầu nguồn) – Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước.
 - Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 232/KT2-K8 ngày 13/7/2024.

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 01:2022/NT – Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Ninh Thuận.
 - (**): Chỉ tiêu được thực hiện tại hiện trường;
 - KPH: không phát hiện;
 - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
 - Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
 - Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
 - Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
 - (NA): Chỉ tiêu chưa được BQA công nhận.
 - MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
 - MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
 TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
 NGÔ THỊ NHƯ LOAN





Số: 0832.2- K8/232 /KT2-K8

Ngày: 22/7/2024

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC PHƯỚC DÂN**
 2. Ký hiệu mẫu: **M8**
 3. Số lượng mẫu: **01**
 4. Tình trạng mẫu: **Mẫu khoảng 2,5 lít, chứa trong can nhựa 2 lít, 01 chai thủy tinh 0,5 lít**
 5. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
 6. Địa chỉ: **Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam**
 7. Ngày lấy mẫu: **13/7/2024**
 8. Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: **09h20'-09h30' tại các điểm đầu ra của hệ thống cấp nước thuộc Nhà máy nước Phước Dân**
 9. Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 13/7/2024 đến ngày: 19/7/2024**
 10. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
1	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 3
2	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
3	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
4	Clo dư tự do(**) mg/L	KT2.HD.CH-353 (K2.HD.91-SOP/MT)	0,30	0,2 + 1,0
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2017	0,58	≤ 2
6	Màu sắc mgPt/L	TCVN 6185:2015	2,3	≤ 15
7	Mùi, vị ^(NA)	KT2.QT.CH-362	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH (ở 25°C)	TCVN 6492:2011	7,3	6,0 + 8,5

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011.
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại vòi hộ dân Nguyễn Đình Cẩm (Điểm giữa nguồn đường ống) – Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước.
 - Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 232/KT2-K8 ngày 13/7/2024.

Ghi chú:

- (*) : Mức quy định theo QCVN 01:2022/NT – Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Ninh Thuận.
- (**) : Chỉ tiêu được thực hiện tại hiện trường;
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (NA): Chỉ tiêu chưa được BQA công nhận.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan





Số: 0832.3-K8/232 /KT2-K8

Ngày: 22/7/2024

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC PHƯỚC DÂN**
 2. Ký hiệu mẫu: **M9**
 3. Số lượng mẫu: **01**
 4. Tình trạng mẫu: **Mẫu khoảng 2,5 lít, chứa trong can nhựa 2 lít, 01 chai thủy tinh 0,5 lít**
 5. Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
 6. Địa chỉ: **Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam**
 7. Ngày lấy mẫu: **13/7/2024**
 8. Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: **10h00'-10h10' tại các điểm đầu ra của hệ thống cấp nước thuộc Nhà máy nước Phước Dân**
 9. Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 13/7/2024 đến ngày: 19/7/2024**
 10. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH ^(*)
1	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 3
2	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
3	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
4	Clo dư tự do ^(**) mg/L	KT2.HD.CH-353 (K2.HD.91-SOP/MT)	0,24	0,2 + 1,0
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2017	0,21	≤ 2
6	Màu sắc mgPt/L	TCVN 6185:2015	< 2	≤ 15
7	Mùi, vị ^(NA)	KT2.QT.CH-362	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH (ở 25°C)	TCVN 6492:2011	6,9	6,0 + 8,5

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011.
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại vòi hộ dân Bá Trung Huy (Điểm cuối nguồn đường ống) – Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam.
 - Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 232/KT2-K8 ngày 13/7/2024.

Ghi chú:
 - (*): Mức quy định theo QCVN 01:2022/NT – Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Ninh Thuận.
 - (**): Chỉ tiêu được thực hiện tại hiện trường.
 - KPH: không phát hiện;
 - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
 - Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
 - Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
 - Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
 - (NA): Chỉ tiêu chưa được BQA công nhận.
 - MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
 - MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan

